

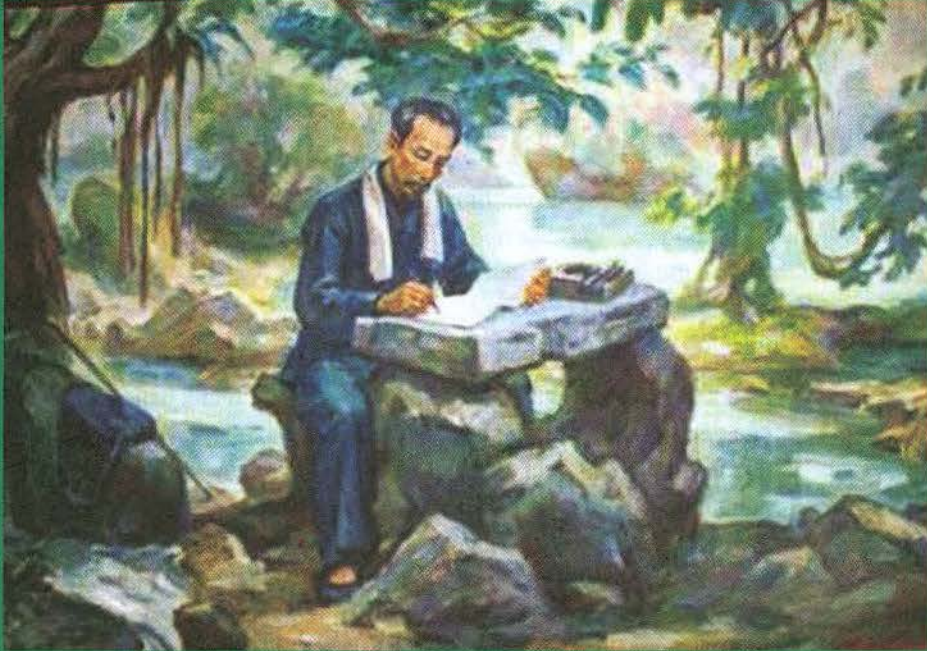
CUỘC SỐNG ĐỜI THƯỜNG CỦA LÃNH TỰ NGUYỄN ÁI QUỐC TẠI CAO BẰNG

THU HẰNG*

Giữa vô vàn mùa xuân trôi chảy theo vòng tuần hoàn của đất trời, có những mùa xuân đặc biệt, ghi dấu sự kiện lịch sử quan trọng liên quan đến vận mệnh của dân tộc Việt Nam. Một trong số đó là mùa xuân "trắng rừng biên giới nở hoa mơ" năm 1941 khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sau 30 năm bôn ba tìm đường giải phóng dân tộc, đã về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Từ đây, nung nấu âm thầm giữa hang sâu, núi thẳm trong điều kiện sống vô cùng kham khổ, những tư tưởng chiến lược về cách mạng giải phóng dân tộc Người suy tính bấy lâu đã từng bước được hiện thực hóa. Thời gian lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ở Cao Bằng không dài và bị gián đoạn nhưng cuộc sống đời thường của Người tại đây khắc sâu thêm cốt cách của vị lãnh tụ dân tộc.



Suối Lênin ở di tích Pác Bó, Cao Bằng - Ảnh: Nguyễn Trường



Bác Hồ làm việc bên suối Lênin - Tranh của Trịnh Phòng

1. Cuộc sống đời thường kham khổ, tiết kiệm nhưng nề nếp, khoa học

Chỗ Bác ở phải thay đổi liên tục và nơi nào cũng có địa thế hiểm trở. Ngày 8-2-1941, Bác bắt đầu sống và làm việc tại hang Cốc Bó, thôn Pác Bó, Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng. Bác ở hang Cốc Bó hơn 10 ngày. Đêm nồm, đá cháy mồ hôi, nước nhỏ giọt thấm qua chân. Bác bị mất ngủ nhưng không hề lộ chút nào mệt mỏi. Giặc lùng sục, Bác lại lên Lũng Lạn. Không ván, không chiếu, chỉ có lá cây rừng trải xuống đất để ngủ. Đồng chí Lê Quảng Ba kể lại trong hồi ký: “Sau những đêm vật lộn với mưa gió và sương lạnh, bọn thanh niên chúng tôi đã đau xương, mỏi lưng, ê ẩm khắp người. Bác vẫn không phàn nàn nửa lời nhưng chắc Người đã phải chịu đựng vất vả hơn chúng tôi nhiều” (1). “Cơ quan ở cái hang sâu và kín đáo ở sườn núi mé trên, lên phải leo dốc đá vài chục thước. Cửa hang này nhỏ, luôn luôn ẩm ướt, phải bấu tay vào thành đá mới có thể chui được vào bên trong. Ngoài các cửa ra vào, nhỏ và tối, hang còn có một cửa lớn ở phía trên cao bị cây cối um tùm che khuất. Trong hang có những phiến đá to chỉ cần xếp ít cành rồi trải lá lên là có thể ngã lưng được. Chỉ ban đêm mới vào đây ngủ, còn ban ngày vẫn ra bờ suối, chỗ bãi cỏ nhỏ trong thung lũng để làm việc và thường cũng chỉ tiếp

khách ở nơi này. Ở trong hang, không khí ẩm thấp, nhất là ngày mưa, nước thường nhỏ giọt theo nhũ đá xuống nền lách tách, không bao giờ ngừng” (2). Có đồng chí đề nghị làm mái để tránh mưa nhưng Bác không đồng ý vì khi động phải rời hang, giặc đến sẽ biết dấu vết để truy bắt. Mưa lớn, nước rò lênh láng vào cả chỗ nằm, Người cũng không chịu cho làm mái che, chỉ lấy một cây que dài ghếch lên làm “máng” lượm giọt nước chảy ra chỗ khác. Ở Lũng Lạn được sáu ngày, cuối tháng 3-1941, do bị địch lùng sục, Bác rời sang Khuổi Nậm, địa thế thuận tiện cho việc di chuyển mỗi khi bị lộ. Đây là nơi ở tương đối lâu dài và “sang” nhất của Bác trong thời kỳ ở Pác Bó. Lán dựng ngay ở trên lòng con suối đang mùa khô, cây cối rất rậm rạp, ở ngoài nhìn vào khó nhận ra. Lúc mới tới, lán ở phía ngoài gần bìa rừng, sau lán chuyển sâu vào trong để bảo vệ Bác được chắc chắn hơn. Lán dựa vào một cây “mạ” làm cột cái. Mái lán lợp bằng gianh. Vách lán, chiếu nằm đều được đan bằng lá đào rừng.

Tháng 5-1942, Bác rời Khuổi Nậm, về các huyện Hòa An, Nguyên Bình. Mấy tháng sau, Người lại quay về Pác Bó, tiếp tục ở Khuổi Nậm và di chuyển nhiều nơi khác. Theo bước chân không mỏi của Người là mỗi bước cả dân tộc gần hơn với bình minh độc lập, tự do, hạnh phúc.

Bữa ăn của Bác cũng rất kham khổ, Bác không ăn sáng, ngày chỉ có hai bữa vào lúc chín rưỡi, mười giờ và bốn rưỡi, năm giờ chiều. Bữa ăn chính là cháo bẹ, rau măng, rau rừng, cơm độn bắp. Nước lá ổi thay chè. Thỉnh thoảng, Bác câu được con cá hay anh em mua được cân thịt, lại đem kho thật mặn, làm “món ăn chiến lược” để ăn dần - 1kg thịt, 1kg muối, 0,5 kg ớt xào lên cho vào ống, đi đến đâu dùng cũng tiện. Bác dặn ăn uống tuyệt đối không được để thừa hoặc đổ đi. Đồng chí nào mang quà về hoặc có quà của quần chúng gửi cho, nếu có nhiều thì phải tính giảm bớt gạo. Có lần, bắp non xay để lâu mới ăn đến, bị chua, anh em đề nghị Bác ăn cơm, Bác không đồng ý. Nghe các đồng chí bảo rang lên thì có thể ăn được nhưng không ngon, Bác bảo: “Thế thì rang lên, không nên bỏ phí. Một hạt bắp lúc này cũng quý. Về sau, nên phơi khô, rồi hãy xay...”. Bữa cơm, Bác chỉ ăn đúng hai bát đầy bằng miệng vì: “Cơ quan ở bí mật, gặp nhiều khó khăn, chúng ta chưa thể ăn nhiều hơn”. Tại cơ sở đồng bào Mán trắng, để ăn mừng Bác dịch xong cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô*, bữa cơm cũng có thêm ít rau rừng và ít thịt.

Cuộc sống thiếu thốn, kham khổ lại di chuyển nhiều nơi nhưng Bác luôn có ý thức rèn luyện sức khỏe, sáng nào cũng tập thể dục. Dù trời âm áp hay mưa lạnh đến đâu, Bác đều dậy sớm leo núi, đi quyền rồi xuống suối tắm. Ở Khuổi Nậm không có đất, Bác tạo một mặt phẳng đứng tập. Bác đeo lấy bốn cái chày, hai cái vừa, hai cái to và nặng để thay tạ tập hằng ngày. Bác chọn những quả núi cao nhất quanh vùng để leo lên với bàn chân không. Leo núi đối với Bác không chỉ có mục đích tập luyện mà còn để tìm hiểu địa hình nhằm ứng phó linh hoạt nhất khi quân thù bất ngờ ập đến. Có đồng chí nhắc Bác: “Leo núi Bác đi giày vào cho khỏi đau chân”. Bác đáp: “Tôi tập leo núi chân không cho quen vì con đường cách mạng chông gai lắm”. Sau giờ tập, Bác tắm nước lạnh để luyện chịu đựng giá rét. Để luyện bàn tay, Bác chọn hai hòn đá như trứng gà khi nghỉ đánh máy, Bác bóp tay vào đá. Sống cạnh Bác, ai tinh ý lắm mới biết được Bác mệt, mỗi khi mệt là Bác đứng dậy đi đi lại lại hoặc làm một việc gì đó, trừ trường hợp không đi lại được nữa, Người mới chịu nằm nghỉ. Có lần Bác bị sốt rét, người gầy đi nhiều, nhưng Bác cũng không chịu nghỉ. Mỗi khi lên cơn sốt, Bác lại leo núi cho mồ hôi vã ra.

Bác làm việc có kế hoạch và cần mẫn với một nghị lực khác thường. Ngay hôm đầu tiên về nước, Bác đã bắt tay ngay vào công việc một cách bình thường. Thấy Bác làm việc có nề nếp, quy củ, anh em cứ nghĩ hình như Bác đã từng ở đây từ rất lâu. Người nhìn xa trông rộng, các việc Người làm đều suy tính, kế hoạch trước nên tuy bận bịu nhiều, Người vẫn ung dung. Hầu hết thời gian ở lán Bác dành để soạn tài liệu. Về Pác Bó được ít ngày, Bác đã hoàn thành một chương trình có ý nghĩa lịch sử trọng đại là chuẩn bị họp Hội nghị Trung ương lần thứ 8. Thỉnh thoảng mua được một tờ báo, Bác tranh thủ xem rất kỹ, chú ý đặc biệt đến những con số. Những chỗ quan trọng bao giờ Bác cũng gạch dưới và đánh dấu cẩn thận. Bác viết nhiều bài cho báo *Việt Nam độc lập* bằng văn vần dễ thuộc, dễ nhớ, để tuyên truyền đường lối cách mạng trong quần chúng. Tuy công việc bề bộn, ngổn ngang, nhưng giờ nào việc ấy, rất có trật tự. Những thứ giá trị như máy chữ, đá in và tài liệu sách, báo bí mật đều được sắp đặt gọn gàng, ngăn nắp. Sau mỗi buổi làm việc, Bác xếp máy chữ vào một túi riêng, tài liệu thì bỏ thùng sắt đậy lại cẩn thận. Khi có tin báo địch đến gần, Bác điềm nhiên cùng anh em đi ngay đến địa điểm dự phòng. Thời gian ở Pác Bó lúc nào Bác cũng mặc bộ quần áo Nùng màu chàm, đi giày vải chằng khác gì một ông cụ người địa phương. Bác ở Pác Bó hơn một năm, thôn xóm không ai rõ về Bác, chỉ biết đó là cán bộ cách mạng tên Sáu Sán. Qua các vạch đường vào cơ quan, bao giờ Bác cũng xóa bỏ ngay mọi dấu vết, không để lại một dấu chân hoặc một cành nhỏ bị bẻ queo, dập gãy nào. Bác thường hỏi han công việc của mỗi người trong ngày. Ai chưa có việc, Bác cất đặt cho. Bác thường bảo “nhàn cư vi bất thiện”. Bác muốn ai cũng có việc làm dù là những việc lớn như xây dựng cơ sở, xây dựng phong trào hay chỉ là việc nhỏ như vá quần áo. Ở bên Bác Hồ, mỗi cuộc đời lại trưởng thành hơn, ánh sáng Bác Hồ tỏa chiếu thấm đượm, chan hòa, làm ấm lòng đồng chí, đồng bào. Ánh sáng ấy có sức mạnh mang một bình minh đang đến.

2. Tinh thần lạc quan cách mạng, gần gũi với thiên nhiên, yêu lao động, yêu đồng bào, đồng chí

Ở lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc luôn ngời sáng tinh thần lạc quan cách mạng. Có thể nói không một giây



phút hiểm nguy, gian khó nào làm mất đi ở Bác tình yêu cuộc sống, yêu lao động, yêu con người và thiên nhiên. Bác quan niệm không tham gia lao động sản xuất thì không cải tạo cuộc đời được. Yêu lao động thì mới yêu nhân dân, yêu Tổ quốc, yêu đạo đức.

Dù thường xuyên di chuyển nhưng ở đâu Bác cũng nhắc phải tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống và bao giờ cũng tự mình làm trước. Thời kỳ ở Pác Bó không dài nhưng một vườn rau nho nhỏ đã bén rễ, có cà chua và ớt. Bác còn cùng anh em trong cơ quan câu cá, mò ốc suối. Ở Khuổi Nặm, Bác trồng vườn rau cải, nuôi một đàn gà. Cơ quan chuyển đi, Bác vẫn nhắc trồng rau cải cho các đồng chí ở lại và cán bộ bí mật qua, nấu ăn đỡ đói. Bác lo lắng, thương yêu đồng chí, từ những điều nhỏ nhất cũng nghĩ rất xa.

Cuộc sống kham khổ nhưng vẫn đầy thi vị, thiếu thốn, vất vả không làm mờ được chất thơ trong con người Bác. Bác sống gần gũi với thiên nhiên. Ở Pác Bó địa hình hùng vĩ, lại có nét nên thơ, Bác thường ngồi làm việc bên bờ suối, dưới vòm cây xanh có hoa, bướm và chim rừng. Bàn làm việc là một phiến đá phẳng kê trên mấy hòn đá cho vừa tầm ngồi. Sau những giờ làm việc, Bác thường lấy chút cơm thừa thả xuống cho cá ăn. Bác đặt tên cho con suối ấy là suối Lê nin và ngọn núi cao sừng sững đối diện là núi Các Mác. Bác tìm chút thư giãn trong cảnh vật thiên nhiên núi rừng. Bác nuôi đôi chim bồ câu trắng, đôi chim quăn quýt cạnh Người. Rời Cốc Bó sang Khuổi Nặm, Người đắp cát bên khe nước thành hồ, xếp nhũ đá thành núi non bộ, có hang động, khe, đỉnh, có yên ngựa và vách đá cheo leo. Một cái cầu bắc bằng cây lau từ bờ hồ ra chỗ chân núi, xung quanh trồng cây cỏ, trông như bức tranh sơn thủy hữu tình. Người gọt chiếc thuyền gỗ nhỏ thả xuống nước trôi bập bênh. Bác sáng tác bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” rất lạc quan: “*Sáng ra bờ suối, tối vào hang/ Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng/ Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng/ Cuộc đời cách mạng thật là sang*”. Cho dù không bao giờ tự nhận mình là nhà thơ nhưng những sáng tác của Bác cùng chính là sự thể hiện rõ nét tình yêu thiên nhiên trong trái tim người nghệ sĩ - chiến sĩ cách mạng, một người luôn ung dung, tự tại, luôn nắm vững quy luật vận động đi lên của cuộc sống, chủ động và lạc quan trong mọi hoàn cảnh. Tinh thần ấy đã trao truyền, thắp lửa,

động viên, khích lệ cán bộ và nhân dân vững tin vào thắng lợi.

Cuộc sống trong rừng âm thầm, lạnh ngắt nhưng luôn có hơi ấm tình thương của Bác. Bác thường nói: “Chúng ta ở rất bí mật nhưng đó là bí mật với tụi tổng đoàn, với bọn mật thám, bọn Tây, bọn thống trị chứ không bí mật với nhân dân”. Tết đến, Bác gặp cán bộ địa phương dặn dò phải bố trí bảo vệ chu đáo cho dân làng ăn tết. Bác bảo mua giấy đỏ về làm phong bao, trong gói một đồng xu, ngoài đề “chúc mừng năm mới”. Mọi người đến chúc Tết đều được Bác tặng một phong bao. Bác tặng cho em Nông Thị Trung, cán bộ mới thoát ly, phải xa nhà cái Tết đầu tiên chiếc khăn mùi xoa có hoa đỏ và một chiếc cồng gà luộc. Người hiểu thấu phong tục người Tày rất quý trẻ con, mổ gà bao giờ cũng để phần cho trẻ cồng gà. Người chu đáo với nhân dân dù là việc nhỏ. Có lần ra suối sáng sớm, trên đường quay về lán, Người phải trèo qua một cái loòng đã được cọ rửa sạch úp bên bờ ruộng, cái loòng chông chênh, Người vừa bước qua thì đổ úp xuống ruộng. Cái loòng nặng, gần đây không có ai để nhờ giúp nhưng Người không bỏ đi mà rửa sạch, cố hết sức úp lại như cũ. Tại hang Kéo Quảng, nghe cán bộ báo cáo về bệnh đậu mùa đang hoành hành ở địa phương, Bác giới thiệu một bài thuốc và dặn nhớ phổ biến cho dân biết để chữa bệnh. Hằng ngày, nếu không bận họp hay nghiên cứu, viết bài, Bác xuống làng hỏi thăm đồng bào, vào rừng lấy củi, hái rau, vun trồng khoai sắn, xuống suối xách nước tưới cây với anh em. Bác trò chuyện với người này, người khác, hỏi chuyện xa, chuyện gần, chuyện làng xóm và gia đình, qua đó hiểu thêm được tình cảm, nguyện vọng của từng người và thực tế cơ sở. Sự quan tâm thăm hỏi, cử chỉ thân mật của Bác gây được cảm tình với đồng bào. Đồng bào đều nhớ ông Sáu Sắn, nhớ đồng chí già có vầng trán cao, cặp mắt sáng, râu dài, rất hiền từ và trung hậu, được nhân dân các dân tộc kính yêu. Cao Bằng từ ngày có Bác về, mỗi cuộc đời gần Bác đều được thấm nhuần sự chăm lo, suy nghĩ của Người. Người gọi lên trong lòng đồng bào bao tình cảm mến thương, bao niềm tin yêu, hy vọng.

Bác sống gần gũi và không bao giờ muốn mình làm ảnh hưởng đến người khác. Các đồng chí mua gạo nấu riêng cho Bác nhưng Bác không đồng ý.

Có món ăn ngon, Người không quên những anh em vắng nhà, dặn rang mận gửi cho người đi công tác. Ban đêm, quanh khu vực Bác ở có nhân dân bảo vệ, có tự vệ tuần tra nhưng các đồng chí vẫn thay nhau gác. Các đồng chí không để Bác gác nhưng Bác yêu cầu phải làm lịch gác, cứ theo lịch lần lượt thay nhau. Có lần Bác mệt, mọi người bàn nhau không để Người gác nữa, dặn trước khi thay phiên giữ thật im lặng, nhưng cách đó không đạt kết quả, ra gác một lúc, giờ tay đập muỗi đã chạm phải Bác ở sau lưng, có lần vừa ra tới vọng gác đã thấy Bác ngồi đó rồi. “Từ trang phục đến lời nói, việc làm. Lúc thổi cơm, ngồi câu cá, khi tắm suối, ngủ rừng... Bác hòa hợp với tất cả mọi người. Không thấy một nét gì khác lạ, cách biệt, ở một người vốn là đại diện của quốc tế cộng sản, từng dự Đại hội Tua, từng tiếp xúc với nhiều nhà lãnh đạo nổi tiếng trên thế giới...” (3). Đêm xuống, anh em thường quây quanh bếp lửa nghe Bác nói chuyện thời sự và kinh nghiệm hoạt động cách mạng. Từ ngọn lửa nhỏ Người khơi trong hang lạnh Cao Bằng “mà sáng muôn lòng, vạn kiếp sau”. Ngọn lửa ấy đã biến thành bão táp tổng khởi nghĩa, đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân phong kiến, mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của độc lập, tự do cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Từ khi quyết định ra đi “tìm hình của nước”, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã phải trải qua muôn vàn khó khăn gian khổ, vừa kiếm sống vừa tìm tòi con đường cứu nước giữa lúc rối ren “học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều”. Mùa thu năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” (4). Tìm được đường giải phóng dân tộc là tin theo Chủ nghĩa Mác-Lê-nin “chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất” (5) đã là một bước ngoặt lịch sử nhưng để bắt tay vào hiện thực hóa được những tư tưởng, kinh nghiệm, những nung nấu của Người vào cách mạng Việt Nam cũng không hề dễ dàng. Người phải mất rất nhiều thời gian, công sức mới trở về nước thành công. Ba mươi năm chân không nghỉ, qua nhiều đại dương, lục địa, “mà đến bây giờ mới tới nơi” nên những ngày tháng lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vừa trở về nước, nương nấu tại vùng địa đầu phía

Bắc Tổ quốc để gây dựng cơ sở cách mạng buổi đầu, từng bước đặt cách mạng Việt Nam vào tình hình thế giới để có những quyết sách chiến lược có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với thành công của Cách mạng Tháng 8-1945 nói riêng và tiến trình cách mạng Việt Nam nói chung. Cuộc sống đời thường tại Cao Bằng gian khổ bao nhiêu càng làm người sáng bấy nhiêu quyết tâm giải phóng dân tộc không thể lay chuyển của một vĩ nhân ẩn chìm dưới bóng dáng gầy gù, thân thuộc của những Già Thu, Ông Ké, đồng chí già trong bộ quần áo Nùng hòa mình vào cuộc sống của đồng bào dân tộc và cảnh vật nơi đây một cách tự nhiên. Người đã lấy hành vi và chính sự gương mẫu để truyền đạt những tư tưởng thâm sâu của mình và tạo nên niềm tin tập hợp mọi người vào mục đích chung. Để hiểu Người, ta không tìm kiếm những pho sách đồ sộ mà độ dày có thể lấy thước đo, để hiểu Người, ta bắt đầu từ chính cuộc sống đời thường. Ở đó có sự kết hợp đẹp đẽ giữa cái cao cả và bình thường, giản dị mà thanh cao, vĩ đại mà gần gũi, đã “trở thành kinh điển để lại cho đời sau không chỉ hình bóng và tư tưởng của một con người mà còn in dấu của một trong những thời kỳ hào hùng nhất của lịch sử dân tộc” (6).

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về thế giới người hiền hơn nửa thế kỷ nhưng cuộc đời thanh bạch chẳng vàng son cùng muôn vàn tình thương yêu để lại mãi mãi là bài ca đẹp đẽ. Hiện nay, nếu mỗi cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo biết giữ mình và rèn mình theo tấm gương đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì chắc chắn bài toán lòng dân - vận nước hẳn sẽ giải được một vẻ quan trọng ■

T.H

1. Đỗ Hoàng Linh, *Hồ Chí Minh, Hành trình 79 mùa xuân*, Nxb Hồng Bàng, tr.120.

2. Đỗ Hoàng Linh, *Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh giai đoạn 1941-1945*, Nxb Hồng Bàng, tr.24.

3. Võ Nguyên Giáp, *Tư tưởng Bác Hồ soi sáng sự nghiệp đổi mới của chúng ta*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1990, tr.47, 48.

4, 5. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.314, 268.

6. Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, *Những kỷ niệm cảm động về Bác Hồ*, Nxb Văn hóa Thông tin, 2008, tr.6.